

PHỤ LỤC V: BẢNG GIÁ ĐẤT SẢN XUẤT KINH DOANH PHI NÔNG NGHIỆP KHÔNG PHẢI LÀ ĐẤT THƯƠNG MẠI, DỊCH VỤ TẠI NÔNG THÔN (bao gồm đất khu công nghiệp, cụm công nghiệp; đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp; đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản)

(Kèm theo Nghị quyết số 16/2024/NQ-HĐND ngày 10 tháng 12 năm 2024
của Hội đồng nhân dân tỉnh Điện Biên)

1. THÀNH PHỐ ĐIỆN BIÊN PHỦ

Đơn vị tính: 1.000 đồng/m²

STT	Tên đường, đoạn đường	Giá đất		
		Vị trí 1	Vị trí 2	Vị trí 3
I	Xã Thanh Minh			
1	Trung tâm xã Thanh Minh			
1.1	Các đường bê tông thuộc tổ 1, 2	731	487	325
1.2	Các đường đất còn lại thuộc tổ 1, 2	568	406	244
2	Các đường còn lại thuộc các bản: Phiêng Lơi, Púng Tôm, Co Cù, Nà Lơi	487	325	244
3	Các đường còn lại thuộc các bản: Pa Pồm, Tân Quang, Huổi Lơi	325	244	
4	Đường Võ Nguyên Giáp			
4.1	- Đoạn từ cầu Huổi Phạ đến hết đất nhà Thương Hồng (Thửa 19 TĐĐ 51), đối diện bên kia đường hết đất thửa 247 TĐĐ 50	4.060	2.030	1.218
4.2	-Đoạn từ tiếp giáp thửa 19 TĐĐ 51 (Đối diện bên kia đường tiếp giáp thửa 247 TĐĐ 50) đến hết địa phận xã Thanh Minh	2.324	1.155	693
5	Đường trong khu du lịch sinh thái Hím Lam và các đường nối vào khu du lịch sinh thái Hím Lam	2.274	1.137	650
6	Đường Lia 1: Đoạn từ đầu cầu BTCT đến hết đất trường THCS Thanh Minh	2.274	1.137	650
7	Đoạn từ ngã 3 rẽ vào bản Tà Lèng đến hết đất trụ sở UBND xã Tà Lèng (cũ)	2.598	1.786	1.299
8	Đường du lịch Tà Lèng - Mường Phăng			
8.1	Đoạn từ tiếp giáp đất trụ sở UBND xã Tà Lèng (cũ) đến hết đất vườn ươm cây giống Mắc ca	826	578	413
8.2	Đoạn từ tiếp giáp đất vườn ươm cây giống Mắc ca đến hết địa phận bản Kê Nênh	711	502	334
8.3	Đoạn từ giáp địa phận bản Kê Nênh đến hết địa phận xã Thanh Minh	609	406	325
9	Các đường còn lại thuộc các bản: Tà Lèng, Kê Nênh, Cụm Loọng Hỏm	487	325	244
10	Các đường còn lại thuộc bản Nà Nghè	325	244	162

STT	Tên đường, đoạn đường	Giá đất		
		Vị trí 1	Vị trí 2	Vị trí 3
11	Đường Vành đai 3 ASEAN: Đoạn tiếp giáp đường bệnh viện đi Tà Lèng đến hết địa phận Thành Phố	974	487	325
12	Đường trong khu du lịch sinh thái Him Lam và các đường nối vào khu du lịch sinh thái Him Lam	2.274	1.137	650
II	Xã Pá Khoang			
1	Đường Trung tâm Mường Phăng đi ra Nà nghề: Đoạn từ tiếp giáp xã Mường Phăng đến cầu tràn bản Co Thón	152	116	89
2	Đường Trung tâm Mường Phăng đi ra Nà nghề Đoạn từ cầu tràn bản Co Thón đến ngã ba đi bản Co Muông	116	89	76
3	Đoạn từ ngã ba bản Há II gồm: Hướng đi Trung tâm xã Mường Phăng đến ngã ba đi bản Co Muông; hướng đi Nhà nghỉ Trúc An đến ngã ba đi bản Co Cộm; hướng đi Nà Nghè đến giáp ranh xã Tà Lèng, thành phố Điện Biên Phủ.	152	116	89
4	Đường Nà Nhận - Mường Phăng: Đoạn tiếp giáp Nà Nhận đến tiếp giáp Mường Phăng	250	161	125
5	Đường vào Hồ Pa Khoang: Từ ngã ba Co Cộm đến giáp vị trí 3 đường Mường Phăng đi Nà Nhận	125	98	76
6	Đoạn từ ngã ba Co Cộm đi qua BQLDA Hồ đến tiếp giáp vị trí 3 đường Mường Phăng đi ra Nà Nghè	125	98	76
7	Các trục đường giao thông liên thôn, nội thôn bản còn lại.	89	76	71
8	Các vị trí còn lại trong xã	76		
III	Xã Mường Phăng			
1	Khu Trung tâm xã: Đoạn từ ngã ba đi Nà Nhận, Nà Nghè đến ngã ba đi Nà Tấu, Hầm Đại tướng Võ Nguyên Giáp	491	250	197
2	Đường Trung tâm xã đi xã Nà Nhận: Đoạn từ tiếp giáp vị trí 3 đường vào hầm Đại Tướng đến giáp xã Nà Nhận	313	205	143
3	Đường vào Hầm Đại Tướng: Đoạn từ ngã ba đi Nà Tấu đến hết đường nhựa khu di tích hầm Đại Tướng (Đường đôi)	161	125	89
4	Đường Trung tâm xã đi Nà Nghè: Đoạn từ Ngã ba đi Nà Nhận đến giáp ranh xã Pá Khoang	161	125	89
5	Đường đi Nà Tấu: Đoạn từ giáp vị trí 3 đường đi Hầm Đại Tướng đến giáp xã Nà Tấu	134	107	80
6	Các trục đường liên thôn, nội thôn bản và tương đương	89	76	71
7	Các vị trí còn lại trong xã	82		

STT	Tên đường, đoạn đường	Giá đất		
		Vị trí 1	Vị trí 2	Vị trí 3
IV	Xã Nà Tấu			
1	QL 279: Đoạn từ giáp huyện Mường Ảng đến cầu bản Xôm	402	250	161
2	QL 279: Đoạn từ cầu bản Xôm đến cổng Trường Tiểu học số 2 Nà Tấu	1.786	893	491
3	QL 279: Đoạn từ cổng Trường Tiểu học số 2 Nà Tấu đến giáp xã Nà Nhạn	3.573	1.965	893
4	Đường đi Mường Phăng: Đoạn từ hết vị trí 1 QL 279 đến tiếp giáp đường 279B	1.127	564	313
5	Đường QL 279B: Đoạn từ hết vị trí 1 đến Kho K31	1.239	620	344
6	Đường QL 279B: Đoạn tiếp giáp Kho K31 đến ngã ba đi bản Nà Luống	1.250	357	179
7	Các trục đường liên thôn, nội thôn bản và tương đương	107	80	
8	Các vị trí còn lại trong xã	82		
V	Xã Nà Nhạn			
1	QL 279: Đoạn từ giáp xã Nà Tấu đến km 60	715	447	268
2	QL 279: Đoạn từ km 60 đến km 62	447	268	161
3	QL 279: Đoạn từ km 62 đến giáp xã Thanh Minh, TP Điện Biên Phủ	313	205	143
4	Đoạn từ ngã 3 Nà Nhạn đi Mường Phăng đến giáp xã Pa Khoang	205	125	89
5	Các trục đường liên thôn, nội thôn bản và tương đương	107	89	80
6	Các vị trí còn lại trong xã	82		

2. HUYỆN ĐIỆN BIÊN

Đơn vị tính: 1.000 đồng/m²

STT	Tên đường, đoạn đường	Giá đất		
		Vị trí 1	Vị trí 2	Vị trí 3
I	KHU VỰC TRUNG TÂM HUYỆN LÝ PÚ TỬU			
1	Đoạn từ Huyện đội Điện Biên đến hết đất của Công an huyện (đường nhựa)	1.117		
2	Đường nội bộ 29,5m	1.117		
3	Đường nội bộ 22,5m	986		
4	Đường nội bộ 13,5m	886		
5	Đường nội bộ 11,5m	732		
6	Đường nội bộ 10,5m	693		
7	Đường nội bộ 7,5m	616		
8	Đường nội bộ 5,5m	588		
1	Xã Thanh Xương			
1.1	QL 279: Đoạn từ giáp ranh thành phố Điện Biên phủ về phía nam đến hết đường nhựa 10,5m vào khu dân cư Bom La (đường rẽ vào cổng trường Chính trị huyện); về phía đông đến đường rẽ vào UBND huyện.	7.350	3.885	2.720
1.2	QL 279: Đoạn tiếp giáp từ đường nhựa 10,5m vào khu dân cư Bom La (đường rẽ vào cổng trường Chính trị huyện), về phía đông giáp đường vào UBND huyện đến hết cây xăng của Công ty TNHH TM và XD Nam Linh Trang về phía đông đến hết thửa đất số 161 tờ bản đồ 361-a.	6.160	3.696	2.464
1.3	QL 279: Đoạn từ tiếp giáp cây xăng của Công ty TNHH TM và XD Nam Linh Trang, về phía đông giáp thửa đất số 191 tờ bản đồ số 361-a đến ranh giới giáp xã Thanh An.	2.310	616	347
1.4	Đường vành đai 2 (Noong Bua - Pú Tửu): Đoạn tiếp giáp thành phố Điện Biên Phủ đến ngã tư đường rẽ vào đội 2, đội 10.	2.695	1.425	732

STT	Tên đường, đoạn đường	Giá đất		
		Vị trí 1	Vị trí 2	Vị trí 3
1.5	Đường vành đai 2 (Noong Bua - Pú Tầu): Đoạn tiếp giáp từ ngã tư đường rẽ vào đội 2, đội 10 đến giáp trường tiểu học số 1 Thanh Xương.	2.338	1.169	701
1.6	Đường đi Pú Tầu: Đoạn từ tiếp giáp vị trí 3 QL 279 qua ngã ba Huồi Hốc đi đội 7 đến Kênh thủy nông; qua đội 11 đến Kênh thủy nông.	1.232	616	370
1.7	Đường bê tông vào Trung tâm huyện (trừ vị trí 1,2,3 đường vành đai 2) đoạn từ nhà ông Lê đến giáp bờ nương	616	424	246
1.8	Đường bê tông vào Trung tâm huyện đoạn từ hết đất nhà ông Yên đến giáp khu Trung tâm huyện lỵ mới	539	323	216
1.9	Các đường liên thôn, nội thôn, ngõ Khu vực bản Ten, bản Pá Luồng, Đội C17; bản Bom La; bản Noong Nhai và Đội 18 (trừ các vị trí 1, 2, 3 QL279)	501	270	216
1.10	Đường phía Đông: Đoạn từ giáp xã Thanh An đến hết ranh giới thành phố Điện Biên Phủ	770	493	347
1.11	Các trục đường giao thông liên thôn, nội thôn bản, ngõ có chiều rộng từ 7 m trở lên	413	289	207
	Các trục đường giao thông liên thôn, nội thôn bản, ngõ có chiều rộng từ 3 m đến dưới 7 m	358	240	179
	Các trục đường giao thông liên thôn, nội thôn bản, ngõ có chiều rộng dưới 3 m	280	179	126
1.12	Các vị trí còn lại trong xã	92	77	69
1.13	Đoạn từ đường vành đai 2 đến Trung tâm huyện lỵ Pú Tầu (tuyến đường mở mới vào trung tâm huyện lỵ Pú Tầu, trừ vị trí 1, 2, 3 đường vành đai 2)	1.876	940	564
1.14	Khu dân cư mới Bom La			
a	Đường nội bộ 25m (Các lô LK1+LK2+LK5)	5.026		
b	Đường nội bộ 25m (Các lô LK3+LK4)	4.356		
c	Đường nội bộ 20,5m (Các lô LK13+LK14)	4.044		
d	Đường nội bộ 15m (Lô LK1)	3.638		

STT	Tên đường, đoạn đường	Giá đất		
		Vị trí 1	Vị trí 2	Vị trí 3
đ	Đường nội bộ 15m (Lô LK13)	2.863		
e	Đường nội bộ 15m (Lô BT11+BT12)	2.632		
g	Đường nội bộ 13m (Lô LK2 + LK3 + LK15 + LK16 + LK17 + LK18 + LK19 + LK21)	2.506		
h	Đường nội bộ 13m (Lô BT11+LK16)	2.436		
i	Đường nội bộ 11m (Các lô LK4+LK5+LK6+LK7+LK14+LK15)	2.341		
2	Xã Thanh An			
2.1	QL 279: Đoạn từ giáp xã Thanh Xương đến đường rẽ vào bản Xôm, bản Noong Ứng	1.400	816	427
2.2	Đoạn từ rẽ vào bản Xôm, bản Noong Ứng đến giáp xã Noong Hẹt (hết đất nhà ông Thắng thôn Hoàng Công Chất)	3.850	1.925	1.078
2.3	Đường trục chính vào UBND xã: Đoạn từ tiếp giáp vị trí 3 QL 279 đến Kênh thủy nông	476	277	198
2.4	Đường trục chính vào UBND xã: Đoạn từ Kênh thủy nông đến ngã ba rẽ đi bản Hoong Khoong	735	505	350
2.5	Đường trục chính vào UBND xã: Đoạn từ ngã ba đi bản Hoong Khoong đến hồ Cỏ Ngựa (Hết đất nhà ông Chuyển thôn Đông Biên 5)	539	323	216
2.6	Đường trục chính vào UBND xã: Đoạn từ tiếp giáp đất nhà ông Chuyển thôn Đông Biên 2 đến tiếp giáp vị trí 3 đường Đông Điện Biên	161	113	81
2.7	Đường Đông Điện Biên (ĐT.147): Đoạn từ giáp xã Thanh Xương đến giáp xã Noong Hẹt	560	352	269
2.8	Đoạn từ tiếp giáp vị trí 3 QL 279 qua thôn Trại giống đến Kênh thủy nông	931	528	280
2.9	Các trục đường giao thông liên thôn, nội thôn bản, ngõ có chiều rộng từ 7 m trở lên	560	375	280
	Các trục đường giao thông liên thôn, nội thôn bản, ngõ có chiều rộng từ 3 m đến dưới 7 m	514	349	277
	Các trục đường giao thông liên thôn, nội thôn bản, ngõ có chiều rộng dưới 3 m	420	273	210

STT	Tên đường, đoạn đường	Giá đất		
		Vị trí 1	Vị trí 2	Vị trí 3
2.10	Các vị trí còn lại trong xã	92	77	69
3	Xã Noong Hẹt			
3.1	Quốc lộ 279: Đoạn từ tiếp giáp Thanh An đến cống qua Quốc lộ 279	5.180	2.580	1.155
3.2	Quốc lộ 279: Đoạn từ cống qua Quốc lộ 279 đến cống phụ chợ Bản Phủ	6.314	3.080	1.540
3.3	Quốc lộ 279: Đoạn từ cống phụ chợ Bản Phủ đến cống giáp Chi nhánh Ngân hàng Nông Nghiệp Bản Phủ	7.350	3.850	2.695
3.4	Quốc lộ 279: Đoạn từ cống giáp Chi nhánh Ngân hàng Bản Phủ đến đường rẽ vào trụ sở UBND xã Noong Hẹt	6.699	3.273	1.540
3.5	Đường Quốc Lộ 12 kéo dài: Đoạn từ hết vị trí 1 Quốc lộ 279 đến bờ Thành ngoại	6.699	3.273	1.540
3.6	Các vị trí còn lại trong chợ bản phủ	4.242		
3.7	Đường Quốc Lộ 12 kéo dài: Đoạn từ bờ Thành ngoại phía Đông đến bờ Thành ngoại phía Tây và đường rẽ vào Đền Hoàng Công Chất	4.620	2.310	1.155
3.8	Đường Quốc Lộ 12 kéo dài: Đoạn từ bờ Thành ngoại phía Tây đến cầu Nậm Thanh	3.472	1.733	1.040
3.9	Đường đi vào UBND xã: Đoạn từ hết vị trí 3 Quốc lộ 279 đến đầu bản Bông	1.694	924	462
3.10	Đường đi vào UBND xã: Đoạn từ đầu bản Bông đến hết Trường Mầm non	2.156	1.194	616
3.11	Đường vành đai phía Đông: Đoạn từ giáp xã Thanh An đến giáp xã Sam Mứn	483	328	266
3.12	Các trục đường giao thông liên thôn, nội thôn bản, ngõ có chiều rộng từ 7 m trở lên	476	305	238
	Các trục đường giao thông liên thôn, nội thôn bản, ngõ có chiều rộng từ 3 m đến dưới 7 m	433	290	230
	Các trục đường giao thông liên thôn, nội thôn bản, ngõ có chiều rộng dưới 3 m	406	284	203
3.13	Các vị trí còn lại trong xã	92	77	69

STT	Tên đường, đoạn đường	Giá đất		
		Vị trí 1	Vị trí 2	Vị trí 3
4	Xã Pom Lót			
4.1	QL 279: Đoạn từ đất nhà ông Nguyễn Văn Hà, đối diện là đất ông Phạm Thanh Thụy đến giáp công bê tông thoát nước (hết đất ông Nguyễn Văn Cường, đối diện là hết đất ông Hoàng Hán Thăng)	3.472	1.771	1.040
4.2	QL 279: Đoạn từ công bê tông thoát nước (giáp đất ông Nguyễn Văn Cường, đối diện là giáp đất ông Hoàng Hán Thăng) đến đường đi vào thôn 9, đối diện là ngõ vào nhà ông Lò Văn Thanh	3.108	1.943	932
4.3	QL 279: Đoạn từ đường đi vào thôn 9, đối diện là ngõ vào nhà ông Lò Văn Thanh đến cầu Pá Nậm.	2.464	1.425	693
4.4	QL 279: Đoạn từ cầu Pá Nậm đến cầu bản Na Hai (Hết đất nhà ông Hương Nhung)	1.715	932	466
4.5	QL 279: Đoạn từ cầu bản Na Hai (hết đất ông Hương Nhung) đến giáp xã Na U	770	424	270
4.6	Đường đi ĐBĐ: Tiếp giáp đường Quốc lộ 279 tại ngã ba hướng đi Điện Biên Đông đến ngã tư đường vào nhà văn hóa thôn 2, đối diện là đường vào thôn 5	2.926	1.694	770
4.7	Đường đi ĐBĐ: Từ ngã tư đường vào nhà văn hóa thôn 2, đối diện là đường vào thôn 5 đến hết địa phận xã Pom Lót	2.058	1.166	583
4.8	Các trục đường giao thông liên thôn, nội thôn bản, ngõ có chiều rộng từ 7 m trở lên	511	312	245
	Các trục đường giao thông liên thôn, nội thôn bản, ngõ có chiều rộng từ 3 m đến dưới 7 m	471	320	254
	Các trục đường giao thông liên thôn, nội thôn bản, ngõ có chiều rộng dưới 3 m	351	228	175
4.9	Các vị trí còn lại trong xã	92	77	69
5	Xã Sam Mứn			
5.1	Đường đi ĐBĐ: Đoạn từ giáp địa phận xã Pom Lót đến hết đất nhà ông Đỗ Văn Hữu bản Đon Đứa	1.386	770	424
5.2	Đường đi ĐBĐ: Đoạn từ giáp đất nhà ông Đỗ Văn Hữu bản Đon Đứa đến cầu bê tông (gần ngõ nhà ông Hùng)	1.603	802	465

STT	Tên đường, đoạn đường	Giá đất		
		Vị trí 1	Vị trí 2	Vị trí 3
5.3	Đường đi ĐBĐ: Đoạn từ cầu bê tông (gần ngõ nhà ông Hùng) hướng đi Điện Biên Đông đến hết nhà ông Vui (Quán cơm bình dân); hướng đi theo đường phía đông đến hết đất nhà ông Nguyễn Văn Tân (đối diện là hết đất nhà ông Cao Trọng Trường).	1.190	678	357
5.4	Đường đi ĐBĐ: Đoạn từ giáp đất nhà ông Vui (quán cơm bình dân) đến cầu bê tông giáp doanh trại Bộ đội	539	308	200
5.5	Đường đi ĐBĐ: Đoạn từ giáp cầu bê tông giáp doanh trại Bộ đội đến giáp xã Núa Ngam	308	216	154
5.6	Đường vành đai phía Đông: Đoạn từ giáp đất nhà ông Nguyễn Văn Tân đối diện là giáp đất nhà ông Cao Trọng Trường đến giáp xã Noong Hẹt	805	572	411
5.7	Đường liên xã: Đoạn từ nhà bà Nguyễn Thị Vân (chồng Nguyễn Giang Quốc) thôn 10 Yên Cang (giáp đường vào trụ sở UBND xã) đến giáp địa phận xã Hẹ Muông)	350	235	175
5.8	Đường trục vào UBND xã: Đoạn từ đất nhà bà Đào đến hết trụ sở UBND xã	350	238	179
	Các trục đường giao thông liên thôn, nội thôn bản, ngõ có chiều rộng từ 7 m trở lên	350	238	189
	Các trục đường giao thông liên thôn, nội thôn bản, ngõ có chiều rộng từ 3 m đến dưới 7 m	280	182	140
	Các trục đường giao thông liên thôn, nội thôn bản, ngõ có chiều rộng dưới 3 m	210	147	113
5.9	Các vị trí còn lại trong xã	92	77	69
6	Xã Noong Luổng			
6.1	Đường đi pa thom: Từ đất nhà bà Chấn (thửa 123, tờ bản đồ 24-E) đến hết ao ông Muôn (thửa đất số 243, tờ bản đồ 24-E)	679	394	285

STT	Tên đường, đoạn đường	Giá đất		
		Vị trí 1	Vị trí 2	Vị trí 3
6.1a	Đường giao thông kết nối các khu vực kinh tế trọng điểm thuộc vùng kinh tế động lực dọc trục Quốc lộ 279 và Quốc lộ 12, tỉnh Điện Biên (tuyến nhánh 4): Từ giáp xã Thanh Yên đến ngã tư UBND xã Noong Luống	700	406	294
6.2	Đường đi Pa Thom: Đoạn từ ngã tư qua UBND xã Noong Luống đi đội 7 đến hết đất nhà ông Đồi	700	378	301
6.3	Đường giao thông kết nối các khu vực kinh tế trọng điểm thuộc vùng kinh tế động lực dọc trục Quốc lộ 279 và Quốc lộ 12, tỉnh Điện Biên: Đoạn từ giáp đất nhà ông Đồi đội 7 đến hết đất nhà ông Bương bản Co Luống	630	378	227
6.3a	Đường đi Pa Thom: đoạn từ nhà ông Bương đến hết đất nhà ông Cương bản Co Luống	560	336	202
6.4	Đoạn từ ngã tư UBND về hướng đi hồ Cô Lôm (hết thửa số 173 tờ bản đồ 23-e, ngõ vào nhà ông Liên).	399	279	200
6.5	Đoạn từ ngã tư UBND xã đi A2 đến hết nhà ông Bùi Văn Ruật	315	221	158
6.6	Ngã tư bản On về hướng đi đập Hoong Sổng (hết đất nhà ông Lịch Sen, đối diện là nhà ông Nhân).	315	221	158
6.7	Đường đi U Va: Đoạn từ ngã tư bản On đến hết nhà ông Thính Đội 20	315	221	158
6.8	Đường đi U Va: Đoạn từ giáp nhà ông Thính đến ngã ba rẽ đi bản U Va	392	235	184
6.9	Đường Co Luống - U Va	504	323	227
6.9a	Đường giao thông kết nối các khu vực kinh tế trọng điểm thuộc vùng kinh tế động lực dọc trục Quốc lộ 279 và Quốc lộ 12, tỉnh Điện Biên: Đoạn từ nhà ông Thân bản Co Luống (từ thửa 783 tờ bản đồ 47-d) đến cầu mới sang xã Pom Lót	490	294	176
6.10	Các trục đường giao thông liên thôn, nội thôn bản, ngõ có chiều rộng từ 7 m trở lên	315	214	173
	Các trục đường giao thông liên thôn, nội thôn bản, ngõ có chiều rộng từ 3 m đến dưới 7 m	242	157	121

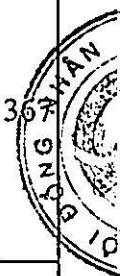
STT	Tên đường, đoạn đường	Giá đất		
		Vị trí 1	Vị trí 2	Vị trí 3
	Các trục đường giao thông liên thôn, nội thôn bản, ngõ có chiều rộng dưới 3 m	210	147	113
6.11	Các vị trí còn lại trong xã	92	77	69
7	Xã Thanh Nưa			
7.1	QL 12: Đoạn từ giáp thành phố Điện Biên Phủ đến đường rẽ vào Nghĩa trang Tông Khao	2.730	1.437	738
7.2	QL 12: Đường rẽ vào Nghĩa trang Tông Khao đến hết nhà ông Lò Văn Tường, đối diện là cổng vào bản Mền	1.960	1.137	470
7.3	QL 12: Đoạn từ nhà ông Lò Văn Tường, đối diện là cổng vào bản Mền đến hết địa phận Xã Thanh Nưa	924	524	277
7.4	Đoạn từ hết vị trí 3 Quốc lộ 12 đến hết sân nghĩa trang đồi Độc Lập	469	274	196
7.5	Đoạn từ hết vị trí 3 Quốc lộ 12 đến hết trường tiểu học	213	140	109
7.6	Đoạn từ hết vị trí 3 Quốc lộ 12 qua ngã tư Tông Khao đến hết trường tập lái; đến hết đất nhà ông Phùng Văn Tâm (bản Hồng Lạnh); hướng đi theo đường phía tây giáp xã Thanh Luông.	469	274	196
7.6a	Đoạn đường nối Quốc lộ 12 và đường phía tây lòng chảo (đường vào chùa Linh Quang)	770	462	308
7.7	Các trục đường giao thông liên thôn, nội thôn bản, ngõ có chiều rộng từ 7 m trở lên	560	392	280
	Các trục đường giao thông liên thôn, nội thôn bản, ngõ có chiều rộng từ 3 m đến dưới 7 m	517	316	259
	Các trục đường giao thông liên thôn, nội thôn bản, ngõ có chiều rộng dưới 3 m	420	269	189
7.8	Các vị trí còn lại trong xã	92	77	69
8	Xã Hua Thanh	0	0	0
8.1	QL 12: Đoạn từ giáp địa phận xã Thanh Nưa đến cầu xi măng bản Tàu.	539	308	200
8.2	QL 12: Đoạn từ cầu xi măng bản Tàu đến chân đèo Cò Chạy đối diện là suối Huổi Piếng	273	186	124

STT	Tên đường, đoạn đường	Giá đất		
		Vị trí 1	Vị trí 2	Vị trí 3
8.3	QL 12: Đoạn từ chân đèo Cò Chạy đối diện là suối Huồi Piếng đến giáp xã Mường Pồn	273	186	124
8.4	Các trục đường giao thông liên thôn, nội thôn bản, ngõ có chiều rộng từ 7 m trở lên	154	108	85
	Các trục đường giao thông liên thôn, nội thôn bản, ngõ có chiều rộng từ 3 m đến dưới 7 m	142	100	77
	Các trục đường liên thôn, nội thôn bản, ngõ có chiều rộng dưới 3m.	131	100	77
8.5	Các vị trí còn lại trong xã	92	77	69
9	Xã Thanh Luông			
9.1	Đường đi Hua Pe: Đoạn từ giáp sân bay thôn Cộng Hòa đến trường tiểu học Thanh Luông	2.457	1.425	639
9.2	Đường đi Hua Pe: Đoạn từ trường tiểu học Thanh Luông đến ngã ba rẽ đi đội 11	2.079	1.155	616
9.3	Đường đi Hua Pe: Đoạn từ ngã ba rẽ đi đội 11 đến cầu chân đập hồ Pe Luông.	1.505	873	482
9.4	Đường đi Hua Pe: Đoạn từ cầu chân đập hồ Pe Luông đến hết Đồn biên phòng Thanh Luông	217	144	117
9.5	Đường từ ngã ba Nghĩa trang C1 đến tiếp nối đường đi Hua Pe (trừ các vị trí 1,2,3 của đoạn này)	896	636	457
9.6	Đoạn từ bờ nương C8 đến ngã ba Nghĩa trang C1	1.085	629	456
9.7	Đoạn từ nhà ông Phạm Quang Uy thôn Thanh Đông đến hết đất ông Bùi Văn Quý thôn Thanh Đông	1.610	869	467
9.7a	Đoạn từ nhà bà Lò Thị Nga thôn Thanh Đông đến đất ông Phạm Đồng Hưng thôn Thanh Đông	1.176	635	341
9.8	Đoạn từ hết vị trí 3 đường trục đường đi Hua Pe đến cầu Cộng Hoà.	693	501	347

STT	Tên đường, đoạn đường	Giá đất		
		Vị trí 1	Vị trí 2	Vị trí 3
9.8a	Đoạn đường tránh sân bay nối từ đường đi xã Thanh Hưng với đường đi xã Thanh Luông (để thực hiện dự án Nâng cấp, cải tạo Cảng hàng không Điện Biên): Đoạn từ cầu suối Hoang Pinh đến hết ruộng ông Trần Hữu Thắng, thôn Cộng Hòa	2.156	1.250	561
9.8b	Đường giao thông kết nối các khu vực kinh tế trọng điểm thuộc vùng kinh tế động lực dọc trục Quốc lộ 279 và Quốc lộ 12, tỉnh Điện Biên (tuyến chính): Đoạn từ tiếp giáp đường đi Hua Pe đến tiếp giáp xã Thanh Hưng	700	497	406
9.9	Các trục đường giao thông liên thôn, nội thôn bản, ngõ có chiều rộng từ 7 m trở lên	385	246	193
	Các trục đường giao thông liên thôn, nội thôn bản, ngõ có chiều rộng từ 3 m đến dưới 7 m	337	229	182
	Các trục đường giao thông liên thôn, nội thôn bản, ngõ có chiều rộng dưới 3 m	280	182	140
9.10	Các vị trí còn lại trong xã	92	77	69
10	Xã Thanh Hưng			
10.1	QL12 : Đoạn từ giáp thành phố Điện Biên Phủ đến giáp khu trung tâm ngã tư C4	2.660	1.543	638
10.2	Khu trung tâm ngã tư C4: Về phía Tây hết đất nhà bà Chén đối diện là nhà ông Ngô Duy Thống; về phía Nam hết đất nhà ông Nguyễn Đức Lờn đối diện là nhà ông Tuyết Minh	2.660	1.600	889
10.2a	Đường Lưu Viết Thoảng: Đoạn từ cầu C4 đến tiếp giáp ngã 4 đi xã Thanh Hưng (tiếp giáp đường QL 12 kéo dài)	3.234	1.940	1.078
10.3	Đường ngã tư C4 đi Léch Cuông: Đoạn tiếp giáp đất nhà ông Ngô Duy Thống đối diện là hết đất nhà bà Chén đến hết Thôn Thanh Chung	1.785	1.088	622
10.4	Đường ngã tư C4 đi Léch Cuông: Đoạn tiếp giáp Thôn Thanh Chung đến đường rẽ vào bản Léch Cang	1.008	544	295

STT	Tên đường, đoạn đường	Giá đất		
		Vị trí 1	Vị trí 2	Vị trí 3
10.5	Khu trung tâm xã: Đoạn đi qua UBND xã (trừ vị trí 1,2,3 đường ngã tư C4 đi Léch Cuông và đường Bệnh viện 7/5 đi UBND xã)	1.232	616	370
10.6	Đường Bệnh viện 7/5 đi UBND xã: Đoạn tiếp giáp vị trí 3 đường Quốc lộ 12 kéo dài đến hết thôn Thanh Xuân (đến ngã 3 hết đất ông Hà Văn Cân)	1.925	1.117	462
10.7	Đường bệnh viện 7/5 đi UBND xã: Đoạn tiếp giáp thôn Thanh Xuân đến dưới kênh đại thủy nông	1.001	539	293
10.7a	Đường bệnh viện 7/5 đi UBND xã: Đoạn từ trên kênh đại thủy nông đến qua ngã ba Thôn Mỹ Hưng +100m	1.509	815	437
10.8	Đoạn từ Ngã ba Noong Pét (thửa đất ông Vương Đình Kiều) đến chân đập Hồ Hồng Khánh (trừ các vị trí 1, 2, 3 khu trung tâm xã)	462	270	193
10.8a	Đoạn đường từ ngã ba nhà bà Hiền (thôn Việt Thanh) đi qua thôn Việt Thanh, thôn Hồng Thái, thôn Thanh Hòa đến ao nhà ông Lễ.	385	193	116
10.8b	Đoạn đường tránh sân bay nổi từ đường đi xã Thanh Hưng với đường đi xã Thanh Luông (để thực hiện dự án Nâng cấp, cải tạo Cảng hàng không Điện Biên): Đoạn từ Nhà ông Hà Văn Cân đến Cầu suối Hoong Pinh	2.156	1.250	561
10.8c	Đoạn từ ngã ba thôn Mỹ Hưng +100m đến ngã ba thôn Hưng Thịnh (nhà ông Bùi Đức Oánh)	875	508	368
10.8d	Đoạn từ ngã ba Léch Cang đi qua khu tái định cư Hồ Huổi Trạng Tai đến cầu bê tông	350	189	102
10.8đ	Đường đi Hồ Huổi Trạng Tai: Đoạn từ ngã ba Léch Cang đến chân đập hồ Huổi Trạng Tai	350	189	102
10.9	Các trục đường giao thông liên thôn, nội thôn bản, ngõ có chiều rộng từ 7 m trở lên	420	290	193
	Các trục đường giao thông liên thôn, nội thôn bản, ngõ có chiều rộng từ 3 m đến dưới 7 m	385	235	193
	Các trục đường giao thông liên thôn, nội thôn bản, ngõ có chiều rộng dưới 3 m	350	224	158

STT	Tên đường, đoạn đường	Giá đất		
		Vị trí 1	Vị trí 2	Vị trí 3
10.10	Các vị trí còn lại trong xã	92	77	69
11	Xã Thanh Chấn			
11.1	QL 12 kéo dài: Đoạn từ giáp xã Thanh Hưng qua kho Vật tư nông nghiệp đến hết đất nhà ông Văn Nhất, đối diện là hết đất cửa hàng vật tư của ông Bạc.	2.380	1.309	643
11.2	QL 12 kéo dài: Đoạn tiếp từ cửa hàng vật tư của ông Bạc đến cầu Hoong Bạng.	1.964	1.117	539
11.3	QL 12 kéo dài: Đoạn từ cầu Hoong Bạng đến giáp xã Thanh Yên.	1.309	655	385
11.4	Đường giao thông kết nối các khu vực kinh tế trọng điểm thuộc vùng kinh tế động lực dọc trục Quốc lộ 279 và Quốc lộ 12, tỉnh Điện Biên: Đoạn từ ngã ba Co Mì qua ngã ba Thanh Hồng theo 2 ngã đến kênh thủy nông (trừ các vị trí 1,2,3 QL 12 kéo dài) đến hết đất ao nhà ông Nguyễn Văn Tại Thôn Thanh Hồng 11 (tuyến nhánh)	917	550	367
11.5	Đường Ngã tư Pa Léch đi UBND xã: Đoạn từ ngã tư Pa Léch qua công UB xã qua kênh thủy nông đến hết đất nhà ông Thắng	917	550	367
11.6	Đường Ngã tư Pa Léch đi UBND xã: Đoạn tiếp giáp nhà ông Thắng đến hết đường nhựa (hết đất nhà ông Du)	560	230	157
11.7	QL 279: Đoạn từ ngã tư Pa Léch đến hết nhà ông Vượng bản Pa Léch	560	230	157
11.8	Đường đi Na Khưa: Đoạn từ ngã ba thôn Thanh Hà, Thanh Sơn (trừ các vị trí 1,2,3 Quốc lộ 12 Kéo dài) qua bản Na Khưa đến Kênh thủy nông	518	218	155
11.8a	Đường giao thông kết nối các khu vực kinh tế trọng điểm thuộc vùng kinh tế động lực dọc trục Quốc lộ 279 và Quốc lộ 12, tỉnh Điện Biên: Đoạn từ giáp xã Thanh Hưng đến giáp xã Thanh Yên (tuyến chính)	700	420	280
11.9	Các trục đường giao thông liên thôn, nội thôn bản, ngõ có chiều rộng từ 7 m trở lên	420	265	197
	Các trục đường giao thông liên thôn, nội thôn bản, ngõ có chiều rộng từ 3 m đến dưới 7 m	400	288	208



STT	Tên đường, đoạn đường	Giá đất		
		Vị trí 1	Vị trí 2	Vị trí 3
	Các trục đường giao thông liên thôn, nội thôn bản, ngõ có chiều rộng dưới 3 m	280	182	140
11.10	Các vị trí còn lại trong xã	92	77	69
12	Xã Thanh Yên			
12.1	Quốc lộ 12 kéo dài: Đoạn từ giáp xã Thanh Chấn hướng đi Noong Hẹt đến cầu Nậm Thanh (mới); hướng đi Noong Luống đến giáp địa phận xã Noong Luống (trừ khu trung tâm ngã tư Tiến Thanh).	1.386	770	424
12.2	Khu ngã ba Noong Cống: Đoạn từ giáp ngã ba Noong Cống đến giáp cầu Nậm Thanh (cũ)	424	270	193
12.3	Khu ngã tư Tiến Thanh: Hướng về phía Tây hết đất nhà bà Phạm Thị Minh đội 2; hướng về phía Nam hết đất nhà ông Nguyễn Trọng Tám đối diện là nhà ông Nguyễn Xuân Quý; hướng về phía Đông đến cầu C9; hướng về phía Bắc hết đất nhà ông Nguyễn Trọng Dũng (giáp đường vào nhà ông Trần Văn Thường).	2.205	1.279	662
12.4	Khu trung tâm xã: Đoạn từ ngã tư về phía Bắc đến hết đất nhà ông Trần Văn Tới đối diện là nhà ông Đỗ Đức Kiên; về phía Đông đến hết đất ông Trần Văn Sơn đối diện là đường rẽ vào trường TH số 1; về phía Tây đến hết đất nhà ông Nguyễn Văn Thắng; về phía Nam đến hết trường THCS; từ ngã rẽ đến hết trường mầm non số 1.	1.729	916	519
12.5	Đoạn từ giáp đất nhà bà Phạm Thị Minh đội 2 Tiến Thanh đến hết đất nhà ông Phạm Văn Tạo đội 7 (trừ các vị trí thuộc khu trung tâm xã)	1.064	734	426
	Các trục đường giao thông liên thôn, nội thôn bản, ngõ có chiều rộng từ 7 m trở lên	277	185	138
12.6	Các trục đường giao thông liên thôn, nội thôn bản, ngõ có chiều rộng từ 3 m đến dưới 7 m	240	163	132
	Các trục đường giao thông liên thôn, nội thôn bản, ngõ có chiều rộng dưới 3 m	217	141	109
12.7	Các vị trí còn lại trong xã	92	77	69
III	CÁC XÃ VÙNG NGOÀI			
1	Xã Núa Ngam			

STT	Tên đường, đoạn đường	Giá đất		
		Vị trí 1	Vị trí 2	Vị trí 3
1.1	Đường đi ĐBĐ (QL12): Đoạn từ giáp xã Sam Mứn đến cầu Phú Ngam	294	193	145
1.2	Đường đi ĐBĐ (QL12): Đoạn từ cầu Phú Ngam đến cầu Pá Ngam 2	770	392	308
1.3	Đường đi ĐBĐ (QL12): Đoạn từ cầu Pá Ngam 2 đến cầu bản Tân Ngam giáp bản Pá Bông	441	309	198
1.4	Đường đi ĐBĐ (QL12): Đoạn từ cầu bản Tân Ngam giáp bản Pá Bông đến giáp huyện Điện Biên Đông	231	185	139
1.5	Đường đi Mường Lói (QL 279C): Đoạn từ cầu Pá Ngam 1 đến Km 1	185	123	92
1.6	Đường đi Mường Lói (QL 279C): Đoạn từ Km 1 đến giáp địa phận xã Hẹ Muông	116	85	70
1.7	Các trục đường giao thông liên thôn, nội thôn bản còn lại.	93	78	70
1.8	Các vị trí còn lại trong xã	69	65	62
2	Xã Hẹ Muông			
2.1	QL 279C: Đoạn từ giáp xã Núa Ngam đến giáp đất Công ty cổ phần tinh bột Hồng Diệp	97	81	64
2.2	QL 279C: Đoạn từ đất Công ty cổ phần tinh bột Hồng Diệp đến hết đất nhà ông Quảng Văn Sương bản Công Bình	116	93	70
2.3	QL 279C: Đoạn từ đất nhà ông Quảng Văn Sương bản Công Bình đến giáp xã Na Tông	97	81	64
2.4	Đường vào trung tâm xã: Đoạn từ ngã 3 bản Pá Hẹ đối diện là nhà ông Lò Văn Thành đến cổng vào trạm Y tế xã	77	69	62
2.5	Các vị trí còn lại trong xã	62		
3	Xã Na Tông			
3.1	QL279C: Đoạn từ giáp xã Hẹ Muông đến suối ranh giới giữa Pa Kín với Na Tông I	116	93	70

STT	Tên đường, đoạn đường	Giá đất		
		Vị trí 1	Vị trí 2	Vị trí 3
3.2	QL279C: Đoạn từ suối ranh giới giữa Pa Kín với Na Tông I đến hết đất nhà bà Lường Thị Yên bản Na Tông II	231	139	108
3.3	QL279C: Đoạn từ giáp đất nhà bà Lường Thị Yên bản Na Tông II đến hết đất nhà ông Lò Văn Phong bản Na Ó	116	93	70
3.4	QL279C: Đoạn từ giáp đất quán ông Lò Văn Phong bản Na Ó đến giáp xã Mường Nhà	194	124	93
3.5	Các trục đường giao thông liên thôn, nội thôn bản còn lại.	93	78	70
3.6	Các vị trí còn lại trong xã	62		
4	Xã Mường Nhà			
4.1	QL279C: Đoạn từ giáp xã Na Tông đến đường rẽ lên bản Na Ó	308	193	139
4.2	QL279C: Đoạn từ nhà ông Tòng Văn Sương (bắt đầu đường đôi) đến cầu Na Phay (đường đôi)	462	270	177
4.2a	QL279C: Đoạn từ đường rẽ lên bản Na Ó đến tiếp giáp nhà ông Tòng Văn Sương (bắt đầu đường đôi)	259	150	98
4.3	QL279C: Đoạn từ Cầu Na Phay đến cầu Huổi Léch (Đường đôi)	892	489	311
4.4	QL279C: Đoạn từ cầu Huổi Léch đến phai tạm Na Hôm	270	177	123
4.5	QL279C: Đoạn từ phai tạm Na Hôm đến giáp xã Phu Luông	171	101	70
4.6	Các trục đường giao thông liên thôn, nội thôn bản tương đương	69	65	62
4.7	Các vị trí còn lại trong xã	62		
5	Xã Mường Pồn			
5.1	QL 12: Đoạn từ giáp xã Hua Thanh đến đất nhà ông Thanh Dạ (bản Co Chạy 1)	195	125	94
5.2	QL 12: Đoạn từ hết đất nhà ông Thanh Dạ (bản Co Chạy 1) đến hết đất dân cư bản Lĩnh	308	193	139

STT	Tên đường, đoạn đường	Giá đất		
		Vị trí 1	Vị trí 2	Vị trí 3
5.3	QL 12: Đoạn từ giáp đất dân cư bản Lĩnh đến giáp xã Mường Mươn, huyện Mường Chà	133	102	78
5.4	Các trục đường giao thông liên thôn, nội thôn bản tương đương	77	65	62
5.5	Các vị trí còn lại trong xã	62		
6	Xã Phu Luông			
6.1	QL 279C: Đoạn từ giáp xã Mường Nhà đến cầu bản Xôm (Giáp đất nhà ông Biên)	171	101	70
6.2	QL 279C: Đoạn từ cầu bản Xôm (đất nhà ông Biên) đến cầu bản Xê 1 (nhà ông Điện)	270	185	123
6.3	QL 279C: Đoạn từ cầu bản Xê 1 (nhà ông Điện) đến trường THCS Phu Luông (đầu đường đôi)	294	202	140
6.4	QL 279C: Đoạn đường đôi từ trường Trung học cơ sở Phu Luông đến Cầu Na Há 2	385	216	131
6.5	QL 279C: Đoạn từ Cầu Na Há 2 đến hết địa phận xã Phu Luông.	171	101	70
6.6	Các trục đường giao thông liên thôn, nội thôn bản còn lại.	69	65	62
6.7	Các vị trí còn lại trong xã	62		
7	Xã Mường Lói			
7.1	QL 279C: Đoạn từ giáp địa phận xã Phu Luông đến giáp Đồn Biên phòng 433	131	100	77
7.2	QL 279C: Đoạn từ đất Đồn Biên phòng 433 đến ngã 3 đi Sơn La	231	139	108
7.3	QL 279C: Đoạn từ ngã 3 đi Sơn La đến ngầm suối Huổi Na	109	85	66
7.4	QL 279C: Đoạn từ ngầm suối Huổi Na đến giáp ranh giới Việt Nam - Lào	97	81	64
7.5	Đường đi Xốp Cộp Sơn La: Đoạn từ ngã 3 Sơn La đến hết khu dân cư bản Lói	94	78	63
7.6	Đường đi Xốp Cộp Sơn La: Đoạn từ giáp khu dân cư bản Lói đến giáp Xốp Cộp - Sơn La	94	78	63

STT	Tên đường, đoạn đường	Giá đất		
		Vị trí 1	Vị trí 2	Vị trí 3
7.7	Các trục đường giao thông liên thôn, nội thôn bản còn lại.	69	65	62
7.8	Các vị trí còn lại trong xã	62		
8	Xã Na U			
8.1	QL 279: Đoạn từ giáp xã Pom Lót đến biên giới Việt Nam - Lào	126	105	84
8.2	Đường vào trung tâm xã: Đoạn từ hết vị trí 3 QL 279 đến cống bê tông (đầu bản Na U)	77	69	62
8.3	Khu trung tâm xã: Đoạn từ cống bê tông (đầu bản Na U) đi vào bản đến nương bê tông (hết Trường Mầm non); ngã rẽ đi Púng Bử đến đình Yên ngựa cây me	93	78	62
8.4	Các trục đường giao thông liên thôn, nội thôn bản còn lại.	77	69	62
8.5	Các vị trí còn lại trong xã	62		
9	Xã Pa Thom			
9.1	Đoạn từ giáp xã Noong Luống đến cầu bê tông suối Tát Mạ	90	74	66
9.2	Từ cầu Tát Mạ đi Xa Cuông đến hết bản Pa Xa Xá	100	69	62
9.3	Từ ngã ba bản Pa Xa Lào đi qua ngã ba đường lên Động Pa Thom đến hết đất nhà văn hóa bản Pa Thom	90	74	66
9.4	Trục đường vào bản Pa Xa Lào	93	70	62
9.5	Các trục đường giao thông liên thôn, nội thôn bản còn lại.	77	65	62
9.6	Các vị trí còn lại trong xã	62		

3. HUYỆN ĐIỆN BIÊN ĐÔNG

Đơn vị tính: 1.000 đồng/m²

STT	Tên đường, đoạn đường	Giá đất		
		Vị trí 1	Vị trí 2	Vị trí 3
I	XÃ PHÌ NHƯ			
1	Trung tâm UBND xã Phì Nhừ hướng đi xã Xa Dung 1km, hướng đi xã Chiềng Sơ 1,5km, hướng đi ngã tư Phì Nhừ 100m (lấy trọn thửa đất)	293	193	123
2	Chợ trung tâm cụm xã Suối Lư (Từ thửa đất số 34, tờ bản đồ số 187 đến hết thửa đất số 1 tờ bản đồ số 48)	408	231	116
3	Khu vực trục đường chính cầu Suối Lư đến hết Khu quy hoạch trung tâm cụm xã hướng Suối Lư - Phì Nhừ (đầu cầu Suối Lư đến hết thửa số 10 tờ bản đồ 194 đất nhà ông Phạm Quang Hưng)	655	347	154
4	Khu vực còn lại của trung tâm cụm xã theo quy hoạch	169	100	77
5	Khu vực ngã tư Phì Nhừ: Hướng đi Phình Giàng 400m, hướng đi Mường Luân 500m, Hướng đi Suối Lư 600m, hướng đi UBND xã 150m	370	169	100
6	Các vị trí còn lại bám trục đường QL 12	223	146	77
7	Khu vực bản Na Nghiệu từ thửa số 31 tờ bản đồ 214 (ông Lò Văn Hải) đến cầu Pá Vạt (giáp xã Mường Luân)	270	169	85
8	Các bản còn lại xa trung tâm xã; Đường nhánh và các vị trí còn lại	58	54	46
II	XÃ MƯỜNG LUÂN			
1	Từ thửa số 256 tờ bản đồ 143 (Quảng Văn Hợp – Quảng Thị Phương) đến thửa số 52 tờ bản đồ 146 (Quảng Thị Um)	408	270	177
2	Tiếp theo thửa số 52 tờ bản đồ 146 (Quảng Thị Um) đến thửa số 31 tờ bản đồ 163 (Lò Thị Định hướng đi Luân Giới) đến mốc HIII 099415 (hướng đi Chiềng Sơ)	501	231	116
3	Từ thửa 95 tờ bản đồ 181 (Lò Văn Pan – Lò Thị Hối) đối diện thửa 42 tờ bản đồ 181 (đất UBND xã) đến thửa 101 tờ bản đồ 182 (Đoàn Văn Năm – Lê Thanh Nga)	254	169	77
4	Từ thửa 99 tờ bản đồ 156 đến thửa 78 tờ bản đồ 170 (Lường Thị Ninh) đối diện thửa 52 tờ bản đồ 170 (đất UBND xã) bản Na Ca – Na Pục	231	154	77

STT	Tên đường, đoạn đường	Giá đất		
		Vị trí 1	Vị trí 2	Vị trí 3
5	Tiếp theo thửa 31 tờ bản đồ 163 (Lò Thị Định) đến giáp xã Luân Giới	154	69	54
6	Từ mốc HIII 099415 đến giáp xã Chiềng Sơ	154	69	54
7	Các bản còn lại xa trung tâm xã; Đường nhánh và các vị trí còn lại	58	54	46
8	Ngã ba mốc 3X.42 hướng đi Phi Nhừ 1km, hướng đi Mường Luân 3km	131	62	46
III	XÃ KEO LÔM			
1	Trung tâm UBND xã (từ đường vào bản Xi Cơ đến hết đất nhà ông Tuấn; đường vào bản Trung Sua 500m)	385	216	154
2	Khu vực trục đường chính cầu Suối Lư từ đất nhà bà Trần Thị Hương đến hết đất nhà ông Nguyễn Văn Toàn (từ thửa số 1 tờ bản đồ 124 thửa số 53 tờ bản đồ 124)	424	293	193
3	Các vị trí còn lại bám trục đường QL 12	223	146	77
4	Ngã ba Trại Bò từ thửa đất số 270 tờ bản đồ 20 (Vàng Quốc Minh – Vừ Thị Dợ) hướng đi trung tâm huyện 1 km	246	169	77
5	Các bản còn lại xa trung tâm xã; Đường nhánh và các vị trí còn lại	58	54	46
IV	XÃ PU NHỊ			
1	Khu vực ngã ba lên UBND xã bám theo đường huyện lộ hướng đi thành phố Điện Biên Phủ 300m, hướng đi bản Pu Nhị hết bản Nậm Ngám A (chân đập) (Lấy trọn thửa)	339	9.361	100
2	Các bản dọc trục đường huyện lộ	193	112	62
3	Khu vực dân tái định cư			
	- Các lô từ N1 đến N26	208		
	- Các lô từ N26-1 đến N28-2	239		
	- Các lô từ N53 đến N70	185		
	- Các lô từ N34 đến N52	162		

STT	Tên đường, đoạn đường	Giá đất		
		Vị trí 1	Vị trí 2	Vị trí 3
4	Các bản còn lại xa trung tâm xã; Đường nhánh và các vị trí còn lại	58	54	46
5	Đoạn từ hồ Nậm Ngám đi các bản Sừ Lư xã Na Son (tính đến hết đường bê tông thuộc địa phận xã)	131	69	54
V	XÃ LUÂN GIỚI			
1	Đoạn Trung tâm UBND xã (bám theo trục đường giao thông liên xã, từ đất nhà ông Tòng Văn Hiền đến ngã ba đi Na Ngua, Pá Khôm)	231	139	69
2	Đoạn Từ nhà ông Tòng Văn Hiền đến giáp xã Mường Luân	131	69	54
3	Ngã 3 đi Na Ngua, Pá Khôm đến cầu bê tông bản Na Ngua - đến cầu Pá Khôm (Nậm Mạt)	92	62	54
4	Các bản còn lại xa trung tâm xã; Đường nhánh và các vị trí còn lại	58	54	46
VI	XÃ CHIỀNG SƠ			
1	Đoạn từ trung tâm bản Kéo đi sông Mã, từ trung tâm bản Kéo đi Mường Luân, từ trung tâm bản Kéo đi bản Cang	216	131	62
2	Các bản vùng thấp (bản Pá Nặm A, B, bản Kéo, bản Co My)	116	69	54
3	Các bản còn lại xa trung tâm xã; Đường nhánh và các vị trí còn lại	58	54	46
4	Đoạn từ cầu treo vào UBND xã mới, ngã 3 hướng đi xã Phi Nhừ 600m	116	77	62
5	Đoạn đường bê tông từ bản Pá Nặm đi xã Phi Nhừ	77	62	54
VII	XÃ NA SON			
1	Trung tâm UBND xã (Từ cầu Na Phát đến công trường THCS Na Phát, theo đường đi Xa Dung đến hết thửa đất số 119 Tờ bản đồ số 99)	331	185	108
2	Các bản dọc trục đường liên xã	123	69	54
3	Đoạn từ cầu Na Phát đến thửa 294 tờ bản đồ 101 (Lường Văn Lún – Quàng Thị Păng)	154	100	62

STT	Tên đường, đoạn đường	Giá đất		
		Vị trí 1	Vị trí 2	Vị trí 3
4	Tiếp theo thửa đất số 119 Tờ bản đồ số 99 đến ngàm Huổi Nhóng, thửa đất số 4 Tờ bản đồ số 98	139	85	54
5	Các bản còn lại xa trung tâm xã; Đường nhánh và các vị trí còn lại	58	54	46
VIII	XÃ XA DUNG			
1	Trung tâm UBND xã (bám theo trục đường: đi bản Chóng 600m, đi Phi Nhừ 300m, đi Na Son 500m, lấy trọn thửa đất)	270	208	116
2	Các bản dọc trục đường liên xã	100	62	54
3	Các bản còn lại xa trung tâm xã; Đường nhánh và các vị trí còn lại	54	50	
IX	XÃ PHÌNH GIÀNG			
1	Đường bê tông từ trung tâm UBND xã đến hết đất nhà ông Giàng Nhìa Sùng (vợ Vàng Thị Dính) (lấy trọn thửa)	231	116	62
2	Đoạn từ giáp đất ông Giàng Nhìa Sùng (vợ Vàng Thị Dính) đến cầu Huổi Có	169	77	58
3	Các bản dọc trục đường liên xã	100	62	54
4	Các bản còn lại xa trung tâm xã; Đường nhánh và các vị trí còn lại	54	50	46
X	XÃ HÁNG LÌA			
1	Trung tâm UBND xã mới đến ngã 3 đường đi Tà Mùng	231	123	69
2	Đoạn từ trụ sở UBND xã mới sang xã Tà Đình 1 km	193	92	54
3	Các bản dọc trục đường liên xã	100	62	54
4	Các bản còn lại xa trung tâm xã; Đường nhánh và các vị trí còn lại	54	50	46
XI	XÃ TÀ DÌNH			
1	Đoạn từ trục đường chính bắt đầu từ cổng hàng rào của bản Tà Đình 1 đến hết cổng nước của trạm Y tế xã Tà Đình)	193	108	62

STT	Tên đường, đoạn đường	Giá đất		
		Vị trí 1	Vị trí 2	Vị trí 3
2	Từ ngã 3 Trạm y tế xã Tà Dinh đến khu tái định cư di dời các hộ dân bản Tà Dinh B, C ra khỏi khu sạt lở	123	69	58
3	Các bản dọc trục đường liên xã	100	62	54
4	Các bản còn lại xa trung tâm xã; Đường nhánh và các vị trí còn lại	54	50	46
XII	XÃ PÚ HỒNG			
1	Trung tâm UBND xã (hướng đi xã Mường Nhà đến hết đất nhà ông Lầu A Chía - Sênh Thị Xua; hướng đi Phình Giàng 700m)	216	116	62
2	Các bản dọc trục đường liên xã	100	62	54
3	Từ đất nhà ông Lầu A Chía - Sênh Thị Xua đến hết nhà ông Sùng A Tú - Lầu Thị Mai (cạnh đường lên trạm phát sóng Viettel)	108	69	54
4	Ngã 3 rẽ vào trường mầm non, tiểu học, THCS xã Pú Hồng (hướng đi Mường Nhà 200m, hướng đi UBND xã Pú Hồng 200m, hướng đi vào trường 200m); Ngã 3 đi bản Chá B, C (hướng đi UBND Pú Hồng 100m, hướng đi xã Phình Giàng 100m, hướng đi bản Chá B, C 100m); Ngã 3 đi bản Chá A (hướng đi Mường Nhà 50m, hướng đi Phình Giàng 50m); Ngã 3 cầu treo vào các bản Nà Nénh C (hướng đi UBND xã 100m, hướng đi xã Phình Giàng 30m)	123	77	62
5	Các bản còn lại xa trung tâm xã; Đường nhánh và các vị trí còn lại	54	50	46
XIII	XÃ NONG U			
1	Trung tâm UBND xã (bán kính 400 m so với trụ sở UBND xã, lấy trọn thửa đất)	254	146	100
2	Các bản dọc trục đường liên xã	146	116	54
3	Các bản còn lại xa trung tâm xã; Đường nhánh và các vị trí còn lại	58	54	46
4	Đoạn dọc QL 12	77	69	62
5	Bản Tà Té A, B, C, D (Trường tiểu học Tà Té bán kính 150 m so với điểm trường)	77	69	62

4. HUYỆN MUỜNG ẮNG

ĐVT: 1.000 đồng/m²

STT	Tên đường, đoạn đường	Giá đất		
		Vị trí 1	Vị trí 2	Vị trí 3
1	Xã Ảng Nưa			
1.1	Đoạn đường đi Thị trấn Mường Ảng: từ cầu bản Lé đến Mốc 364 (2x1)	362	181	109
1.2	Từ ngã ba gia đình nhà Hà Chung (Qua ngã ba Tin Tộc, qua bản Co Hăm, bản Cù) đến cầu bản Lé	316	158	95
1.3	Đoạn đường bê tông (Công bản văn hóa bản Cang) từ nhà bà Mai (Thi) đến hết biên đất nhà Mạnh Thức	285	142	85
1.4	Đoạn đường đi bản Mới: Từ ngã ba bản Cù đến hết bản Mới (Gia đình ông Lò Văn Chính)	285	142	85
1.5	Đoạn từ gia đình ông Lò Văn Văn đến ngã tư (gia đình ông Tông Văn Tại bản Bó Mạy)	362	181	109
1.6	Đoạn từ nhà ông Tông Văn Tại (bản Bó Mạy) đến ranh giới TT Mường Ảng (biên đất gia đình ông Nùng Văn Tuyển bản Bó Mạy)	416	208	125
1.7	Các bản vùng thấp:			
1.7.1	Ven trục đường dân sinh nội xã (liên bản).	162	81	49
1.7.2	Các vị trí còn lại.	92	46	28
1.8	Các bản vùng cao:			
1.8.1	Ven trục đường dân sinh nội xã (liên bản)	100	50	30
1.8.2	Các vị trí còn lại	85	42	25
1.9	Đoạn từ nhà ông: Tông Văn Tại (bản Bó Mạy) đến giáp ranh giới TT Mường Ảng (sau khu trung tâm hành chính)	347	173	104
2	Xã Ảng Cang			
2.1	Đoạn đường rẽ vào khu tái định cư bản Hón (TT Mường Ảng) đến hết ranh giới bản Hua Ná.	539	270	162
2.2	Khu TĐC Bản Mảnh Đanh 1			
2.2.1	Đoạn từ biên đất trường Mầm non đến hết biên đất trung tâm sinh hoạt cộng đồng	108		
2.2.2	Các đoạn đường bê tông còn lại trong khu tái định cư	92		
2.2.3	Khu đất quy hoạch tái định cư bản Hua Ná	108		
2.3	Các bản vùng thấp:			
2.3.1	Ven trục đường dân sinh nội xã (Liên bản).	108	54	43
2.3.2	Các vị trí còn lại.	85	42	19
2.4	Các bản vùng cao:			
2.4.1	Ven trục đường dân sinh nội xã (Liên bản)	85	43	25
2.4.2	Các vị trí còn lại	69	35	19
2.5	Đoạn đường từ ngã ba methadol đến đài tưởng niệm	347	173	104